

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Tên chất hoặc tên sản phẩm: CAUSTIC SODA FLAKE (SODIUM HYDROXYDE)	
Số CAS: 1310-73-2 Số UN: 1823 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có) : Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có) :	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất : CAUSTIC SODA FLAKE	Mã sản phẩm : 281511
- Tên thương mại : CAUSTIC SODA FLAKE	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CTY CP ĐẮC KHANG 482/10/28 A1 Nơ Trang Long - P.13 - Q. Bình Thạnh - Tp HCM	Địa Chỉ Liên Hệ Trong Trường Hợp Khẩn Cấp: CTY CP ĐẮC KHANG Đt: 028 355 32804
Mục đích sử dụng: xử lí nước, công nghiệp	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Caustic Soda Flake	1310-73-2	NaOH	98.0 % - 99.08 %
Na ₂ CO ₃		Na ₂ CO ₃	0.17 % – 0.20 %
NaCl		NaCl	0.0180 % - 0.03 %
Saét		Fe	0.0003 % - 0.002%
Na ₂ SO ₄		Na ₂ SO ₄	0.006% -0.0017%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) chưa có thông tin
2. Cảnh báo nguy hiểm - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: độc - Ô xy hoá mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh chất ăn da. - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: có
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt : gây kích ứng mắt, gây bỏng , khiếm thị giác vĩnh viễn , thậm chí mù lòa - Đường thở: hắt hơi, đau họng hoặc sổ mũi. Viêm phổi nặng - Đường da : gây kích ứng da hoặc bỏng nặng và sẹo - Đường tiêu hóa : chảy máu, nôn mửa, tiêu chảy , chảy máu trong - Đường tiết sữa: chưa có thông tin.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Lập tức phun một ít nước lên mắt khoảng 15 phút. Thỉnh thoảng nháy mắt. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Lập tức phun một ít nước trên da để khoảng 15 phút. Bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Rồi đưa bệnh nhân đến bệnh viện
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân đến nơi có không khí thoáng mát, hô hấp nhân tạo. Nếu không thở được đưa ngay đến bệnh viện
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Không gây nôn, mửa. Nếu còn tỉnh cho nạn nhân uống nước hoặc uống sữa. Sữa có chứa magie hoặc lòng trắng trứng gà. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện. Không cho bệnh nhân ăn bất cứ gì khi bị bất tỉnh hoặc bị rối loạn.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** chưa có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): tia lửa
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** phun ngập nước
- 5. Phông tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Bình chữa cháy, trang phục bảo hộ khi chữa cháy
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): chưa có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** sử dụng bao tay cao su, mặt nạ chống độc, nước và đất để hạn chế tác động độc hại cho môi trường xung quanh
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:** biện pháp như trên và thông ngay đến địa chỉ cần liên hệ khẩn cấp – được ghi trên Phiếu An Toàn Hóa chất – trang 1

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): bảo quản nơi thông thoáng, bao bì chứa đựng và vận chuyển đúng theo qui cách sản phẩm (can hoặc bồn nhựa PE)
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): nhiệt độ thích hợp, sắp xếp có khoảng cách rời với các chất khác và không nên xếp chồng lên nhau quá nhiều, cách xa nguồn lửa, tia điện.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)
- 2. Các phông tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
Bảo vệ mắt: mang kính, mặt nạ
- Bảo vệ thân thể: quần áo chống hóa chất
- Bảo vệ tay: Mang găng tay thích hợp
- Bảo vệ chân: mang ủng (giày bảo vệ chân)
- 3. Phông tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): rửa nhiều nước, rửa với nước chanh.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý : dạng vảy	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$) : 139°C (2534F)
Màu sắc : Trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$) : 319°C (604F)
Mùi đặc trưng : không mùi	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không cháy
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có thông tin	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$) : Không dễ cháy
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin.
Độ hòa tan trong nước : 111g/100g nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin.
Độ PH : 13-14 (0.5% Soln)	Tỷ lệ hoá hơi : 21°C (70F)
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1.26	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: không phân hủy
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): ăn mòn da.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): sinh nhiệt khi phản ứng với nước.
- Phản ứng trùng hợp: không

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại nguy cơ	Kết quả	Độ nguy hiểm tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1: NAOH	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép..	mg/m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...)

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1: NAOH			
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường: Gây tăng PH đối với nước.

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy: trung hòa bằng HCL.
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: NaCl.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1823		NHÓM 8			
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu : 10/08/2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất :

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo : **CTY CP ĐẮC KHANG**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.